

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Số: 996 /BC-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- * Tên giao dịch: Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP
- * Tên rút gọn: Tổng công ty Điện lực - TKV
- * Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Power Holding Corporation
- * Tên viết tắt: ĐLTKV
- * Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104297034, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 7/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31/12/2024.
- * Vốn điều lệ: 6.827.674.750.000 đồng (Sáu nghìn tám trăm hai mươi bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
- * Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn góp của cổ đông chi phối TKV): 6.778.085.000.000 đồng (Sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- * Địa chỉ: Tầng 16, Toà nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- * Số điện thoại: (024) 3516 1605; Số Fax: (024) 3516 1610.
- * Website: www.dienluctkv.vn/
- * Mã cổ phiếu: DTK.

Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 21/10/2009, Tổng công ty Điện lực - TKV được thành lập theo Quyết định số 5211/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có vốn điều lệ ban đầu là 6.800 tỷ đồng (nay là 6.827 tỷ đồng như nêu trên), có chức năng thực hiện các ngành nghề kinh doanh bao gồm: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện, các nhà máy điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện (hệ thống cung cấp

điện); Mua, bán điện; Truyền tải và phân phối điện và các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

Năm 2010, Tổng công ty Điện lực - TKV được đổi tên thành Tổng công ty Điện lực - Vinacomin theo Quyết định số 1940/QĐ-HĐTV ngày 19/8/2010 của Hội đồng thành viên TKV.

Ngày 19/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 85/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin.

Ngày 16/4/2015, Tổng công ty Điện lực - TKV thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số lượng cổ phần bán được là 1.191.300 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Ngày 15/01/2016, Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động theo loại hình công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104297034, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/12/2009 (đến nay đã có đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/01/2022).

Ngày 29/6/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 3902/UBCK-GSĐC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và ngày 15/12/2016 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chính thức lên sàn giao dịch UPCOM với mã chứng khoán DTK có giá chào sàn là 14.000 đồng/ cổ phần.

Ngày 25/12/2020, được chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cổ phiếu của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (**Tổng công ty/ ĐLTKV**) với mã chứng khoán DTK chính thức khai trương niêm yết tại Sàn giao dịch - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.	0810
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.)	3290
3	Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện).	7020
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.)	7110
5	Vận tải hành khách đường sắt.	4911
6	Vận tải hàng hóa đường sắt.	4912

TT	Tên ngành	Mã ngành
7	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
8	Vận tải hành khách đường bộ khác.	4932
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
10	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.	5021
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	5022
12	Sản xuất sản phẩm chịu lửa.	2391
13	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.	2392
14	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.	2394
15	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2512
16	Sản xuất các cấu kiện kim loại. (Chi tiết: Chế tạo, lắp ráp các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.)	2511
17	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. (Chi tiết: Thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.)	2710
18	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
19	Sửa chữa máy móc thiết bị. (Chi tiết: Sửa chữa thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.)	3312
20	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Chi tiết: Sửa chữa các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép.)	3311
21	Khai thác và thu gom than cứng.	0510
22	Khai thác và thu gom than non.	0520
23	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường). - Bán buôn xi lò nhiệt điện, bán buôn phụ gia xi măng.	4669
24	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. (Chi tiết: Bồi dưỡng tay nghề cho công nhân nhà máy điện, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho thi nâng bậc của công nhân nhà máy điện - không cấp chứng chỉ.)	8560
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. (trừ hoạt động đấu giá). (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)).	8299
26	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. (Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc và các sản phẩm liên quan). (Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến.)	4661

TT	Tên ngành	Mã ngành
27	Sản xuất điện.	3511 (Chính)
28	Truyền tải và phân phối điện. (Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện, hệ thống cung cấp điện; mua, bán điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia.) (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).	3512
29	Xây dựng công trình thủy.	4291
30	Xây dựng công trình khai khoáng.	4292
31	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.	4293
32	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: Xây dựng các công trình nhà máy điện, đường dây và trạm điện, công trình công nghiệp, thủy lợi, cảng biển, kết cấu hạ tầng.) (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).	4299
33	Xây dựng nhà để ở.	4101
34	Xây dựng nhà không để ở.	4102
35	Xây dựng công trình đường sắt.	4211
36	Xây dựng công trình đường bộ.	4212

Đồng thời, ngày 08/9/2021 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 5142/UBCK-PTTT về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Mã chứng khoán DTK, niêm yết tại HNX) là **35%**.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Tổng công ty có địa bàn kinh doanh trên khắp lãnh thổ Việt Nam, trải dài từ Bắc vào Nam. Ngoài trừ Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 tại tỉnh Lâm Đồng, tất cả các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty đều nằm gần các mỏ than thuộc TKV, đốt chủng loại than xấu, có hàm lượng chất bốc thấp, độ lưu huỳnh cao cho phát điện. Trong đó, nhiều nhà máy nằm tại những địa bàn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như: Na Dương (Lạng Sơn), Sơn Động (Bắc Giang), Nông Sơn (Quảng Nam),...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

* *Đại hội đồng cổ đông*: Bao gồm 1247 cổ đông sở hữu 682.767.475 cổ phần tương đương 6.827.674.750.000 đồng, bằng 100% vốn điều lệ (theo danh sách chốt cổ đông thời điểm ngày 05/03/2025).

* **Hội đồng quản trị (HĐQT)**: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên, trong số 04 thành viên HĐQT có 01 thành viên chuyên trách, thường trực HĐQT; 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty; 01 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty và 01 thành viên HĐQT độc lập.

* **Ban Kiểm soát**: Gồm Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách; và 02 Kiểm soát viên.

* **Ban Tổng giám đốc**: Gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng Tổng công ty.

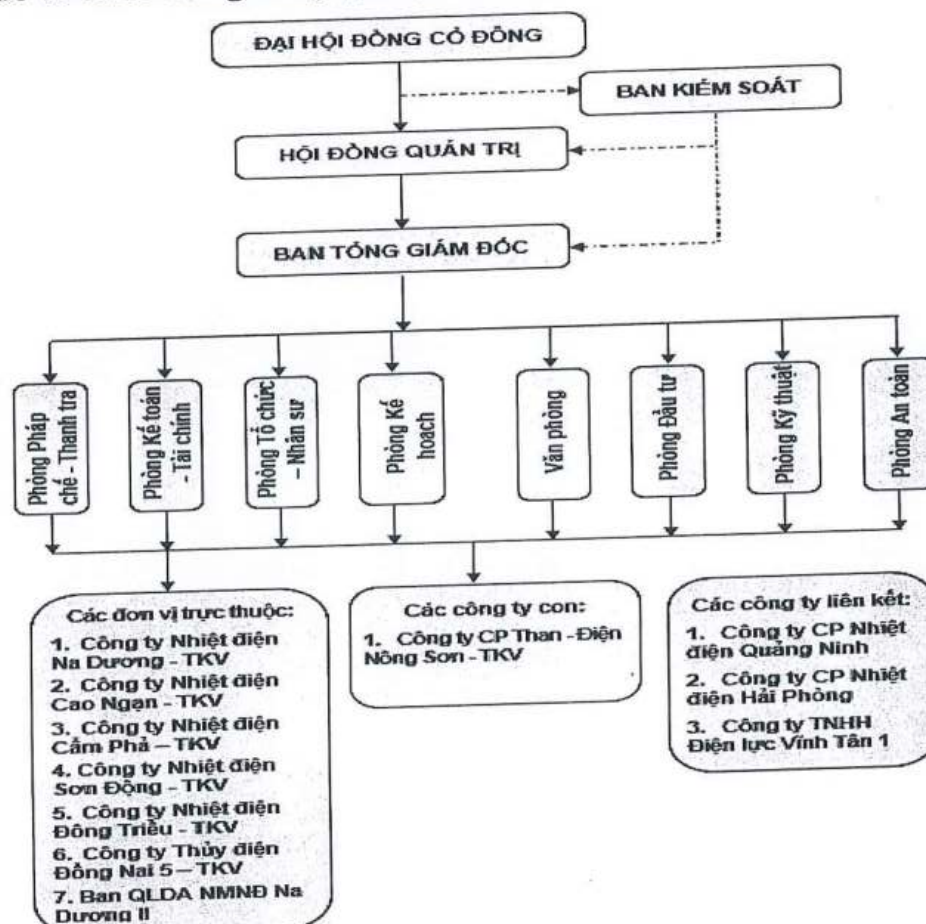
* **Các phòng chức năng**: 08 Phòng bao gồm: Văn phòng, Phòng Kế hoạch, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Pháp chế - Thanh tra, Phòng Đầu tư, Phòng Kỹ thuật, Phòng An toàn.

* **Đơn vị trực thuộc**: 07 đơn vị.

* **Công ty con cổ phần chi phối**: 01 công ty.

* **Công ty liên kết**: 03 công ty.

Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

* **Hội đồng quản trị (HĐQT)**: Số lượng thành viên HĐQT là 05 người, được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu với nhiệm kỳ 5 năm (2021 - 2026). HĐQT được ĐHĐCĐ giao nhiệm vụ quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

* *Ban Kiểm soát (BKS)*: Số lượng thành viên BKS hiện nay là 03 người, được ĐHĐCĐ bầu với nhiệm kỳ 5 năm (2021 - 2026). BKS được ĐHĐCĐ giao nhiệm vụ giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

* *Tổng giám đốc*: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng giám đốc được HĐQT Tổng công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm (2016 - 2021) và được bổ nhiệm lại từ năm 2021 đến nay.

* *Phó Tổng giám đốc*: Năm 2024, đến ngày 06/05/2024 Tổng công ty có 05 Phó Tổng giám đốc, từ ngày 07/05/2024 đến 30/6/2024 có 4 Phó Tổng giám đốc, từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024 có 5 Phó Tổng giám đốc, từ ngày 01/10/2024 đến nay có 3 Phó Tổng giám đốc, giúp Tổng giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

* *Kế toán trưởng*: Có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kế toán - tài chính của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc Tổng công ty giám sát tài chính và sử dụng các nguồn lực tài chính của Tổng công ty theo pháp luật; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

* *Các phòng chức năng*: Có 08 Phòng gồm Văn phòng và các Phòng chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng chức năng do Tổng giám đốc quyết định sau khi được HĐQT thông qua.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Các đơn vị trực thuộc:

(1) Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ: Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

(2) Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ: Ngõ 719 đường Dương Tự Minh, phường Quán Triều, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(3) Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ: tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

(4) Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ: thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

(5) Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ: thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, TP. Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

(6) Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ: số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

(7) Ban QLDA NMNĐ Na Dương II – TKV, địa chỉ: Khu 4 thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Về cơ cấu lại doanh nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025, Công văn số 6000/TKV-TCNS ngày 07/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc triển khai sắp xếp doanh nghiệp theo đề án cơ cấu lại TKV đến năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025, HĐQT Tổng công ty trình ĐHCĐ bất thường ngày 26/9/2024 và được thông qua tại Nghị quyết 14/NQ-ĐHCĐ-2024 ngày 26/09/2024, gồm những nội dung chính như sau:

(1) Về ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, phát triển năng lượng tái tạo, khai thác chế biến than;

(2) Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp: Về các mặt công tác quản trị chi phí, quản lý vật tư, công tác quản lý tài chính, công tác quản lý đầu tư, công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, tài nguyên; quản lý an toàn, vệ sinh môi trường, quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực.

(3) Về cơ cấu tổ chức bộ máy: Duy trì hoạt động của các chi nhánh, giữ nguyên vốn góp tại Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV, duy trì vốn góp tại các công ty liên kết (Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1), thành lập Ban QLDA NMNĐ Na Dương II và Trung tâm sửa chữa ĐLTKV vào thời điểm thích hợp trên cơ sở tách bộ phận sửa chữa của các công ty nhiệt điện thuộc Tổng công ty.

(4) Xây dựng và phát triển thương hiệu ĐLTKV thành thương hiệu mạnh, là đối tác tin cậy, là Tổng công ty phát điện chuyên nghiệp.

(5) Nâng cao vị thế cạnh tranh khi tham gia thị trường điện, đặc biệt là thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

(6) Định hướng đầu tư đổi mới công nghệ phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty đối với sản xuất điện và sản xuất than.

b) Các công ty con:

Stt	Tên công ty con	Lĩnh vực SXKD chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp (đồng)
1	Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất và bán than.	Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.	140.000.000.000	88,77	124.279.500.000

c) Các công ty liên kết:

Stt	Tên công ty con	Lĩnh vực SXKD chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp (đồng)
-----	-----------------	---------------------	---------	--------------------	------------------	---------------------

1	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.	5.000.000.000.000	7,21%	360.500.000.000
2	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Tổ 33, Khu 5, phường Hà Khánh, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	4.500.000.000.000	10,62%	477.841.310.000
3	Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	Tầng 6, Tòa nhà Viettel, phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	351.014.400 USD	5%	17.550.000 USD

3.4. Định hướng phát triển:

Xây dựng Tổng công ty trở thành doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chỉ tiêu công nghệ, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; đảm bảo khai thác vận hành hiệu quả, ổn định các nhà máy điện, cùng với các tập đoàn năng lượng khác (EVN, PVN) góp phần trong vai trò giữ vững đảm bảo cung ứng an ninh năng lượng quốc gia, xây dựng mối quan hệ hài hòa trong Tổng công ty, vừa đảm bảo lợi ích của các cổ đông, của TKV và của Tổng công ty, đồng thời đảm bảo lợi ích cho người lao động trong Tổng công ty.

3.5. Các rủi ro:

3.5.1. Rủi ro về chính sách, tỷ giá:

- Các dự án nhà máy điện của Tổng công ty được thực hiện theo hình thức hợp đồng EPC với tổng thầu là nhà thầu nước ngoài, đồng tiền sử dụng thanh toán có liên quan đến tỷ giá ngoại tệ (USD, JPY, CNY,...). Do vậy rủi ro về chênh lệch tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tình hình thu xếp vốn cho các dự án có nhiều khó khăn.

- Tổng công ty trong quá trình triển khai dự án, luôn chú trọng thu xếp các nguồn vốn có lãi suất tốt, thời hạn dài; Đồng thời tích cực tìm giải pháp, đề xuất với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam để giảm thiểu và giải quyết rủi ro này.

3.5.2. Rủi ro về thị trường:

Để giảm thiểu rủi ro về thị trường, Tổng công ty tổ chức quản trị chi phí có hiệu quả. Bám sát thị trường và vận dụng cơ chế giá linh hoạt nhằm phát tối đa công suất các tổ máy và mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

3.5.3. Rủi ro về kỹ thuật công nghệ:

Việc đầu tư vào ngành điện đòi hỏi vốn lớn, thời gian dài. Đồng thời, thiết bị kỹ thuật điện liên tục đổi mới (công nghệ lò hơi siêu tới hạn, trên siêu tới hạn, thiết bị đo lường, tự động hóa,...) do đó nhiều chủng loại thiết bị nhanh chóng lạc hậu, khó có thiết bị chủng loại cũ để thay thế và phải tính đến việc nâng cấp đổi mới.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Tình hình chung:

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nói lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực. Tính đến tháng 12/2024, hầu hết các tổ chức quốc tế đều giữ nguyên hoặc nâng mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu từ 0,1 đến 0,3 điểm phần trăm so với các dự báo trước đó, đạt từ 2,7% đến 3,2%, tương đương với mức tăng trưởng năm 2023...

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh năm 2024 đầy khó khăn thách thức, với sự quyết tâm cao nhất của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024; Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Đối với Tổng công ty:

Bên cạnh các điều kiện thuận lợi như:

Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Đội ngũ quản lý, người lao động có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, vận hành, sửa chữa các nhà máy điện; Các tổ máy trong Tổng công ty được bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư nâng cấp kịp thời nên đáp ứng yêu cầu khả dụng cũng như duy trì vận hành ổn định, tin cậy đáp ứng tốt yêu cầu huy động công suất từ Điều độ Quốc gia...

Năm 2024 có những yếu tố khó khăn như:

Hiện tượng khí tượng thủy văn năm 2024 có nhiều biến động bất thường không thuận lợi cho các tổ máy nhiệt điện. Mặc dù tăng trưởng phụ tải toàn hệ thống là 10,09%, tuy nhiên huy động công suất trong thị trường điện tập trung chủ yếu là đối với các nhà máy thủy điện; Giá thị trường năm 2024 thực tế chỉ đạt trung bình 1.425,4 đồng/kWh, tương đương 90% giá KH; Việc tính toán sản lượng điện hợp đồng (Qc) giảm so với Qc phân bổ đầu năm gây bất lợi cho đơn vị phát điện (mức giảm tới 5%); Việc sử dụng than pha trộn nhập khẩu làm tăng giá bán điện, giảm tính cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường điện (NMNĐ Na Dương trở thành một trong những nhà máy có giá biến đổi cao nhất hệ thống điện, nên chỉ được huy động với sản lượng thấp, công suất phát trung bình đạt 80% công suất định mức dẫn đến tỷ lệ tự dùng, suất hao nhiệt tăng so với KH); Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi), trong toàn Tổng công ty có 06 tổ máy đã phải dừng vận hành dẫn tới sụt giảm sản lượng điện 104 triệu kWh...

Trong tình hình đó, HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty đã có những giải pháp cụ thể, quyết liệt ngay từ đầu năm để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đánh giá chung về tình hình SXKD năm 2024 các nhà máy của Tổng công ty đã bám sát thị trường, phát huy tốt việc chào giá và vận hành, nhờ đó kết quả SXKD của Tổng công ty là tốt, mặc dù doanh thu sản lượng điện đạt không đạt so với kế hoạch song các chỉ tiêu về lợi nhuận, thực hiện kế hoạch đầu tư của toàn Tổng công ty vẫn đạt vượt kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

1.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	KH ĐH ĐCĐ 2024		KH điều chỉnh		Thực hiện 2024		Tỷ lệ so với KH/KHĐC (nếu có)	
		Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ
1	Sản lượng điện thương phẩm (tr.kWh)	9.357	9.196	-	-	8.550	8.387	91,37%	89,63%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	14.049,3	13.577,8	-	-	13.089,5	12.964,1	93,17%	92,28%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	680,0	658,0	-	-	750,7	762,6	110,39%	112,14%
4	Đầu tư xây dựng (tỷ đồng)	506,9	501,6	584	571	588,1	575,3	100,69%	114,69%

(Tỷ lệ chi trả cổ tức thực hiện năm 2024: Dự kiến sẽ bằng hoặc vượt kế hoạch 2024 được ĐHĐCĐ thông qua, tỷ lệ thực tế được quyết định trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 dự kiến tổ chức ngày 24/4/2025).

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban quản lý, điều hành:

2.1.1. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty bao gồm Chủ tịch và 04 thành viên, trong số 04 thành viên HĐQT có: 01 thành viên chuyên trách, thường trực HĐQT; 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty; 01 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty và 01 thành viên HĐQT độc lập, cụ thể như sau:

1) Ông Ngô Thế Phiệt - Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT:

* Năm sinh: 1968. Trình độ: Kỹ sư Khai thác mỏ.

* Quá trình công tác: Ông Ngô Thế Phiệt bắt đầu làm việc tại TKV từ năm 1992 đến nay. Ông Ngô Thế Phiệt từng giữ các chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật, Quản đốc Khai thác lò Công trường 8, Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT - Phó giám đốc Kỹ thuật, Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành, Chủ tịch - Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin, Tỉnh Quảng Ninh. Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin, Tỉnh Quảng Ninh. Từ ngày 23/8/2023 đến nay Ông được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban TKV - Thành viên Ban Quản lý vốn TKV đầu tư tại các doanh nghiệp và được cử làm Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Tổng công ty và đã được ĐHĐCĐ bất thường ngày 29/9/2023 bầu là Thành viên

HDQT và được các thành viên HDQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch HDQT Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

* *Chức vụ tại đơn vị khác:* Người quản lý phần vốn thuộc Ban Quản lý vốn TKV; Thành viên HDQT Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin (đến ngày 05/10/2023); Chủ tịch HDQT Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin; Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin, Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin (cho đến hết ngày 25/6/2024).

2) Ông Nguyễn Đức Pha - Thành viên chuyên trách, Thường trực HDQT (đến hết ngày 30/9/2024):

* *Năm sinh:* 1963. *Trình độ:* Kỹ sư điện.

* *Quá trình công tác:* Ông Nguyễn Đức Pha bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình công tác đã từng giữ các chức vụ: Đốc công cơ điện, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Cơ điện Mỏ than Na Dương; Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương, Phó giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Giám đốc Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV. Ông Nguyễn Đức Pha được bổ nhiệm Thành viên chuyên trách, Thường trực HDQT Tổng công ty kể từ năm 2016 đến hết ngày 30/09/2024. Ngày 26/9/2024 tại ĐHCĐ bất thường đã miễn nhiệm tư cách thành viên HDQT của ông Nguyễn Đức Pha kể từ ngày 01/10/2024 theo đơn từ nhiệm, đề nghị chế độ.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

3) Ông Bùi Minh Tân – Thành viên chuyên trách, Thường trực HDQT (kể từ ngày 01/10/2024):

- Năm sinh: 1981. Trình độ: Kỹ sư điện.

- *Quá trình công tác:* Ông Bùi Minh Tân bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng ban, Trưởng ban Đầu tư, Phó Tổng giám đốc. Ông Bùi Minh Tân giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ năm 2014 và thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/10/2024.

- Ông được ĐHCĐ bất thường ngày 26/9/2024 bầu làm Thành viên chuyên trách HDQT kể từ ngày 01/10/2024.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

4) Ông Ngô Trí Thịnh - Thành viên HDQT, Tổng giám đốc:

* *Năm sinh:* 1975. *Trình độ:* Kỹ sư công nghệ nhiệt.

* *Quá trình công tác:* Ông Ngô Trí Thịnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV; Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Tổng công ty. Ông Ngô Trí Thịnh được bổ nhiệm Thành viên HDQT, Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ năm 2016 đến nay.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

5) Ông Nguyễn Trung Thực - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:

* *Năm sinh:* 1978. *Trình độ:* Kỹ sư Điện tự động hóa xí nghiệp.

* *Quá trình công tác:* Ông Nguyễn Trung Thực bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Trưởng ban Kỹ thuật Tổng công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV. Ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 26/3/2019 đến nay, đồng thời tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức vào ngày 28/4/2021 đã được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Kiêm Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (đến ngày 5/5/2023).

6) Ông Nguyễn Đức Thảo - Thành viên HĐQT độc lập:

* *Năm sinh:* 1953. *Trình độ:* Tiến sĩ khoa học.

* *Quá trình công tác:* Ông Nguyễn Đức Thảo bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ tháng 01/2010, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ tháng 01/2010 đến tháng 4/2013 nghỉ chế độ hưu trí. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức vào ngày 28/4/2021 đã được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2.1.2. Ban Kiểm soát:

Bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách; và 02 thành viên.

1) Ông Lê Ngọc Nam - Trưởng Ban Kiểm soát:

* *Năm sinh:* 1971. *Trình độ:* Cử nhân kinh tế.

* *Quá trình công tác:* Ông Lê Ngọc Nam bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009, từ tháng 3/2012 được giao giữ chức vụ Trưởng ban Kế hoạch Tổng công ty. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức vào ngày 28/4/2021 đã được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát thay cho ông Phạm Văn Thường nghỉ chế độ hưu trí.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2) Bà Bùi Thu Thái - Thành viên Ban Kiểm soát:

* *Năm sinh:* 1981. *Trình độ:* Kỹ sư xây dựng.

* *Quá trình công tác:* Bà Bùi Thu Thái bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Hiện tại giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Đầu tư Tổng công ty kể từ năm 2014 đến nay và được bổ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty kể từ năm 2016 đến nay.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

3) Bà Đào Thị Hoàng Yến - Thành viên Ban Kiểm soát:

* *Năm sinh:* 1973. *Trình độ:* Kỹ sư Tuyển khoáng, Cử nhân kế toán tài chính.

* *Quá trình công tác:* Bà Đào Thị Hoàng Yến bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2012 đến nay, công tác tại: Ban Đầu tư (2012 - 2018), Phòng Kế hoạch (7/2018 - nay). Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức ngày 28/4/2021 đã được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát thay cho bà Bùi Thị Tố Uyên xin từ nhiệm do chuyển công tác.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2.1.3. Ban Tổng giám đốc:

Năm 2024, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, và các Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Cụ thể như sau:

1) **Ông Ngô Trí Thịnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc:** Đã thông tin tại mục 4) phần 2.1.1. ở trên.

2) **Ông Nguyễn Trung Thực - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:** Đã thông tin tại mục 5) phần 2.1.1. ở trên.

3) **Ông Phạm Xuân Phong - Phó Tổng giám đốc (đến hết ngày 06/05/2024):**

* *Năm sinh:* 1973. *Trình độ:* Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp.

* *Quá trình công tác:* Ông Phạm Xuân Phong bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Quản đốc, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Trưởng phòng Sản xuất kinh doanh thuộc Ban Điện lực TKV; Phó giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV. Ông Phạm Xuân Phong giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ năm 2014 và là Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Từ ngày 7/5/2024 Ông Phạm Xuân Phong thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty và được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban QLDA NMNĐ Na Dương II.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* TV HĐQT, chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV đến ngày 26/4/2024.

4) **Ông Bùi Minh Tân - Phó Tổng giám đốc (đến hết ngày 30/9/2024):** Đã thông tin tại mục 3) phần 2.1.1. ở trên.

5) **Ông Nghiêm Xuân Chiến - Phó Tổng giám đốc:**

* *Năm sinh:* 1969. *Trình độ:* Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp.

* *Quá trình công tác:* Ông Nghiêm Xuân Chiến bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay, trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Trưởng ban Kỹ thuật Tổng công ty; Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV; Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV. Ông Nghiêm Xuân Chiến được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 01/10/2021 đến nay.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Người đại diện quản lý phần vốn Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND), Thành viên HĐQT HND (kể từ ngày 24/6/2022). Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công

ty tại Công ty Cổ phần Than Điện Nông Sơn – TKV từ ngày 10/6/2024, Thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT kể từ ngày 28/6/2024.

6) Ông Đoàn Xuân Hiệu - Phó Tổng giám đốc:

* *Năm sinh:* 1982 *Trình độ:* Thạc sĩ Tài chính, tiền tệ, ngân hàng.

* *Quá trình công tác:* Ông Đoàn Xuân Hiệu bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ tháng 10 năm 2021, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày hết ngày 30/6/2024.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Người đại diện quản lý phần vốn Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) đến hết ngày 10/6/2024 (Văn bản 1319/ĐLTKV-TCNS ngày 05/06/2024), Thành viên HĐQT QTP đến ngày 03/10/2024. Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Than Điện Nông Sơn – TKV (TĐNS) kể từ ngày 16/4/2024 đến hết ngày 09/6/2024, Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT TĐNS kể từ ngày 26/4/2024 và miễn nhiệm ngày 28/6/2024.

7) Ông Đặng Quốc Long – Phó Tổng giám đốc:

* *Năm sinh:* 1971 *Trình độ:* Thạc sĩ khai thác mỏ, kỹ sư khai thác mỏ, kỹ sư kỹ thuật điện, Cử nhân quản trị kinh doanh, trình độ Cao cấp lý luận chính trị.

* *Quá trình công tác:* Ông Đặng Quốc Long bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Than – Điện Nông Sơn -TKV từ năm 1993, ông đã giữ các chức vụ Phó phòng kỹ thuật Mỏ than Nông Sơn, Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ than Nông Sơn, Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Than – Điện Nông Sơn, Phó giám đốc, và Giám đốc Công ty CP Than – Điện Nông Sơn, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 01/07/2024.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/06/2024), Giám đốc Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn – TKV (miễn nhiệm ngày 01/07/2024).

8) Bà Lưu Thị Minh Thanh - Kế toán trưởng:

* *Năm sinh:* 1978. *Trình độ:* Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp, Thạc sĩ QTKD.

* *Quá trình công tác:* Bà Lưu Thị Minh Thanh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng ban Kế toán - Tài chính Tổng công ty (nay là Phòng Kế toán - Tài chính), Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Tổng công ty. Bà Lưu Thị Minh Thanh được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty kể từ ngày 01/8/2022 đến nay.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2.1.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý, điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ (%)
			Ủy quyền	Sở hữu	
I	Hội đồng quản trị				

1	Ngô Thế Phiệt	Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29/9/2023)	677.808.50 0 (từ ngày 01/8/2023)		99,27
2	Nguyễn Đức Pha	Thành viên chuyên trách, thường trực HĐQT (đến hết ngày 30/9/2024).	0	10.800	0,0016
3	Ông Bùi Minh Tân	Thành viên chuyên trách, thường trực HĐQT (từ ngày 1/10/2024).	0	10.800	0,0016
4	Ngô Trí Thịnh	Thành viên HĐQT	0	36.200	0,0053
5	Nguyễn Trung Thực	Thành viên HĐQT	0	7.900	0,0012
6	Nguyễn Đức Thảo	Thành viên HĐQT độc lập	0	10.000	0,0015
II	Ban Kiểm soát				
1	Lê Ngọc Nam	Trưởng ban Kiểm soát	0	12.300	0,0018
2	Bùi Thu Thái	Kiểm soát viên	0	2.700	0,0004
3	Đào Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	0	0	0
III	Ban Tổng giám đốc				
1	Ngô Trí Thịnh	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại mục I Biểu này		
2	Nguyễn Trung Thực	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại mục I Biểu này		
3	Phạm Xuân Phong	Phó TGD (đến ngày 07/05/2024)	0	21.800	0,0032
4	Bùi Minh Tân	Phó TGD (đến hết ngày 30/9/2024)	0	10.800	0,0016
5	Nghiêm Xuân Chiến	Phó TGD	0	23.200	0,0034
6	Đoàn Xuân Hiệu	Phó TGD (đến hết ngày 30/6/2024)	0	0	0
7	Đặng Quốc Long	Phó TGD (Từ ngày 01/07/2024)			
8	Lưu Thị Minh Thanh	Kế toán trưởng	0	2.000	0.0003

2.2. Những thay đổi trong ban quản lý, điều hành trong năm 2024:

ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/9/2024 đã miễn nhiệm Ông Nguyễn Đức Pha Thành viên HĐQT theo đơn từ nhiệm đề nghị chế độ kể từ ngày 01/10/2024 và bầu bổ sung Ông Bùi Minh Tân làm Thành viên HĐQT kể từ ngày 01/10/2024.

Ông Phạm Xuân Phong thôi giữ chức Phó TGD kể từ ngày 07/05/2024 để giữ chức vụ Giám đốc Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II-TKV kể từ ngày 07/05/2024.

Ông Đoàn Xuân Hiệu chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng công ty kể từ thời điểm 01/07/2024, để về nhận công tác tại Cơ quan Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ông Bùi Minh Tân thôi giữ chức Phó TGD từ 01/10/024 để thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT chuyên trách từ 01/10/2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/09/2024.

Ông Đặng Quốc Long được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD kể từ ngày 01/07/2024.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

a) Số lượng CBCNV:

- Lao động có mặt Công ty mẹ tại thời điểm 01/01/2024: 1.629 người, tại thời điểm 31/12/2024: 1646 người;
- Lao động bình quân Công ty mẹ năm 2024: 1.645 người (trong đó Ban QLDA ND II bình quân 12 người).

b) Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, với một số nội dung chính như sau:

-Xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN,... và giải quyết các chế độ bảo hiểm, chế độ trợ cấp,... theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Thực hiện thời giờ làm việc, nghỉ ngơi theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Xem xét, đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng thành tích theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Cử tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trong nước và nước ngoài theo yêu cầu công việc.

-Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

-Người lao động được tạo thuận lợi tham gia các tổ chức đoàn thể.

-Cấp phát trang phục, trang bị làm việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình thực hiện đầu tư các dự án đầu tư xây dựng:

Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2024 của Tổng công ty là 588.127 triệu đồng, đạt 116% so với kế hoạch được giao (506.865 triệu đồng), đạt 101% so với kế hoạch điều chỉnh (584.108 triệu đồng).

Dự án đầu tư hệ thống khử lưu huỳnh ngoài lò (FGD) – NMNĐ Na Dương:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã thông qua BCNCKT dự án đầu tư hệ thống khử lưu huỳnh ngoài lò (FGD) - NMNĐ Na Dương.

Tổng công ty đã trình Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn thẩm định BC NCKT dự án. Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn đã có ý kiến về hồ sơ dự án. Trong tháng 12/2024 Tổng công ty đã hiệu chỉnh và báo cáo Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn.

Dự án NMNĐ Na Dương II:

Tổng công ty đã tổ chức đồng bộ nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ dự án, kết quả các nội dung chính như sau:

- Ngày 05/04/2024: Tổ chức lễ triển khai xây dựng các hạng mục NMNĐ.

- Công tác thiết kế: Thiết kế sơ bộ (Basic Design): Phê duyệt có điều kiện (AWC) ngày 26/8/2024, chứng nhận hoàn thành công tác thiết kế sơ bộ (ngày 11/10/2024).

Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật (Đợt 1) ngày 23/9/2024, Cục DL và NLTT có thông báo kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật công trình Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II (Đợt 2) vào ngày 31/12/2024,

Ngày 08/01/2025 đã Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Đợt 2).

- Về công tác thiết bị: Nhà thầu EPC đang triển khai sản xuất chế tạo Tuabin và Máy phát; lựa chọn sản xuất thiết bị bơm nước ngưng, bơm tuần hoàn, máy đánh, phá đông, cầu trục.

- Về công tác xây dựng: Nhà thầu đã triển khai và hoàn thành công tác thi công 26/26 cọc đại trà hạng mục Ống khói (ngày 22/10/2024); Hạng mục Lò hơi đã hoàn thành thi công 80/80 cọc; Hạng mục Gian máy chính đã hoàn thành 139/139 cọc; Thi công cọc nhịp kết nối Lò hơi và bắt đầu lắp thiết bị thí nghiệm cọc ống khói: đã hoàn thành 10/10 cọc kết nối Lò hơi với Lọc bụi.

- Về tình hình thu xếp vốn để thực hiện dự án: Đã ký kết hợp đồng cấp tín dụng tài trợ cho dự án ngày 15/11/2024

- Các công việc, gói thầu khác của dự án: thực hiện theo kế hoạch và tình hình thực tế đảm bảo đồng bộ với gói thầu EPC với mục tiêu phát điện vào quý IV/2026. Đánh giá về tổng thể, tiến độ chung của dự án đang vượt trước được hơn 2 tháng.

- **Các dự án đầu tư duy trì sản xuất kinh doanh:** Triển khai theo kế hoạch được giao, đáp ứng tiến độ đề ra.

3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty con, liên kết:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của các công ty con, liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Than Điện Nông Sơn TKV :

Công ty Cổ phần Than Điện Nông Sơn TKV trong năm 2024: Sản lượng điện sản xuất: 185.828 MWh (đạt 100,4% so với KH năm là 185.000 MWh); Sản lượng điện thương mại: 162.544 MWh (đạt 100,7% so với KH năm là 161.376 MWh) ; Sản lượng than nguyên khai: 121 982 tấn, đạt 101,65% kế hoạch giao; Sản lượng than sạch: 117 184 tấn, đạt 101,02% kế hoạch giao; Sản lượng than tiêu thụ: 116 606 tấn, đạt 100,5% kế hoạch giao; Các chỉ tiêu tài chính được thể hiện trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

(2) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: Trong năm 2024, Sản lượng điện sản xuất đạt 6.754,50 tr.kWh (đạt 87,26% so với KH năm là 7.740,34 tr.kWh), Sản lượng điện thương mại đạt 6.122,17 tr.kWh (đạt 87,20% so với KH năm là 7.020,48 tr.kWh). Tổng Doanh thu đạt 11.041,32 tỷ đồng (đạt 89,92% so với KH năm là 12.278,68 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế đạt 272,79 tỷ đồng (bằng 69,25% so với kế hoạch 393,90 tỷ đồng, nếu loại CLTG thì Lợi nhuận đạt 73,32% so với kế hoạch); Lợi nhuận sau thuế đạt 258,93 tỷ đồng.

Cổ tức thực nhận trong năm báo cáo: Cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 là 11,02% bao gồm cổ tức từ nguồn hoàn nhập quỹ ĐTPT 5,52% và cổ tức từ LNST năm 2023 là 5,5%. Trong năm 2024, Tổng công ty đã nhận đủ tiền cổ tức của CTy NĐ Hải Phòng là 39.727.100.000 đồng.

(3) Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1:

Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1: Trong năm 2024, Sản lượng điện sản xuất đạt 8.058 tr.kWh (đạt 109,62% so với KH năm là 7.351 tr.kWh), Sản lượng điện thương mại đạt 7.567 tr.kWh (đạt 109,86% so với KH năm là 6.888 tr.kWh). Doanh thu đạt 573,25 triệu USD (đạt 101,07% so với KH năm là 567,16 triệu USD). Lợi nhuận trước thuế đạt 123,14 Triệu USD (bằng 100,11% so với kế hoạch (123 Triệu USD). Lợi nhuận sau thuế là 113,45 triệu USD.

Cổ tức thực nhận trong năm báo cáo: Trong năm 2024, Công ty BOT đã thực hiện 3 đợt thanh toán tiền lợi nhuận cho các nhà đầu tư. Tổng công ty đã nhận được là 3 triệu USD.

(4) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh:

Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh: sản lượng điện sản xuất đạt 7.463 tr.kWh (đạt 96,16% KH năm là 7.762 tr.kWh); Sản lượng điện thương mại đạt 6.794 tr.kWh (đạt 96,64% so với KH năm là 6.794 tr.kWh). Doanh thu đạt 11.919 triệu đồng (đạt 96,76% so với KH năm là 12.318 triệu đồng). Lợi nhuận trước thuế (đã bao gồm CLTG) là 688,51 tỷ đồng (bằng 124,05% so với KH năm là 555 tỷ đồng); Lợi nhuận sau thuế là 619,26 tỷ đồng, bằng 123,97% so với KH năm là 499,5 tỷ đồng).

Cổ tức thực nhận trong năm báo cáo: Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông ở mức 15% với giá trị 71.676.196.500 đ. Trong đó: Ngày 31/01/2024: Công ty cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 10,36% (trong đó có 2,86% từ nguồn hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển) với số tiền 49.504.359.716; Ngày 27/9/2024: đơn vị trả tiền cổ tức còn lại năm 2023 tỷ lệ 4,64% tương ứng với số tiền là: 22.171.836.784 đ.

Nhìn chung, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất năm 2024 của các đơn vị mà Tổng công ty đầu tư góp vốn thì các công ty liên kết đều có kết quả sản xuất kinh doanh rất khả quan, hàng năm đều thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu \ Năm	2023	2024	% so 2023
Tổng giá trị tài sản	16.214.178.764.281	15.157.147.296.283	93,48%
Doanh thu thuần	11.714.499.801.011	12.713.921.164.114	108,53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	624.280.887.199	755.931.224.581	121,09%

Lợi nhuận khác	2.767.869.990	6.626.262.674	239,40%
Lợi nhuận trước thuế	627.048.757.189	762.557.487.255	121,61%
Lợi nhuận sau thuế	550.828.920.495	702.928.056.681	127,61%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm	ĐVT	2023	2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn		Lần	0,91	0,97
-	Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn		Lần	0,86	0,91
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
-	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản		Lần	0,50	0,44
-	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu		Lần	0,99	0,78
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
-	Vòng quay tài sản: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		Lần	0,72	0,84
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu		%	4,95	5,76
-	Tỷ suất sinh lời của tài sản		%	3,38	4,48
-	Tỷ suất sinh lời/vốn chủ sở hữu		%	7,79	9,69

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách chốt cổ đông thời điểm ngày 03/03/2025:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
682.767.475	Cổ phần phổ thông	682.767.475	0

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có.
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ:

Họ tên	GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
--------	---------	---------	------------	-------

				(%)
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.	5700100256	Số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	677.808.500	99,27

-Cơ cấu cổ đông: Tổng số 1247 cổ đông, cơ cấu như sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Cổ phần	Trị giá	Tỷ lệ %/ VĐL
			sở hữu	(tỷ đồng)	
	Tổng cộng	1,247	682,767,475	6,827.67	100%
1	Cổ đông tổ chức	6	678,345,982	6,783.46	99.352416 %
1.1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	1	677,808,500	6,778.09	99.273695 %
1.2	Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	1	1,500	0.015	0.000220 %
1.3	Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1	530,882	5.309	0.077754 %
1.4	Barclays Capital Securities Limited	1	100	0.001	0.000015 %
1.5	KB Securities Co., Ltd	1	200	0.002	0.000029 %
1.6	KRUNGTHAI XSPRING Securities company Limited	1	4,800	0.048	0.000703 %
2	Cổ đông cá nhân (người lao động và cổ đông ngoài)	1,241	4,421,493	44.215	0.647584 %

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không.

e) *Các chứng khoán khác:*

-Ngày 31/7/2018, Tổng công ty đã phát hành thành công Trái phiếu riêng lẻ (trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, tự do chuyển nhượng và có nghĩa vụ trả nợ trực tiếp) với khối lượng phát hành thực tế là 400 tỷ đồng và kỳ hạn 7 năm.

-Ngoài ra, Tổng công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm và không có các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là sản xuất điện nên lượng nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm chủ yếu bao gồm than, đá vôi và nước được nêu dưới đây. Đồng thời không xác định tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Do đặc thù về sản phẩm của Tổng công ty nên tiêu thụ năng lượng được tính bằng lượng điện tự dùng. Năm 2024 tổng lượng điện tự dùng của Tổng công ty là: 1.083 tr. kWh gồm cả điện tự dùng của công ty con là Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV.

6.3. Sử dụng nước: Trừ nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 được đặt trên sông Đồng Nai sử dụng nước để phát điện, do đặc thù, các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty phải sử dụng nước làm mát. Nguồn nước làm mát lấy từ sông gần vị trí đặt nhà máy, riêng NMNĐ Cẩm Phả sử dụng nước biển để làm mát. Lượng nước này sau khi sử dụng để làm mát được hoàn trả lại môi trường tự nhiên.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Năm 2024 Tổng công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không bị các cơ quan thẩm quyền xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Lao động có mặt Công ty mẹ tại thời điểm 01/01/2024: 1.629 người, tại thời điểm 31/12/2024: 1646 người;

- Lao động bình quân Công ty mẹ năm 2024: 1.645 người (trong đó Ban QLDA ND II bình quân 12 người).

- Quỹ tiền lương thực hiện Công ty mẹ 2024: 402.315 triệu đồng;

- Thu nhập bình quân của lao động Công ty mẹ: 20,369 tr.đồng/ng-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước cho người lao động, đồng thời luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tổng công ty đã ban hành và cập nhật sửa đổi các Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi; Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Tổng công ty và các quy chế, quy định liên quan, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cống hiến và gắn bó, làm việc lâu dài cho Tổng công ty. Các quy chế này được sửa đổi, bổ sung phù hợp với chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tổng công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý do TKV tổ chức, cũng như cử cán bộ đi học tập thực tiễn tại các doanh nghiệp trong nước và ở nước ngoài, tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tổng công ty luôn quan tâm các mặt hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác tại các địa bàn nơi đặt các nhà máy của Tổng công ty thuộc vùng sâu, vùng xa như: Hỗ trợ làm nhà cho người nghèo huyện Sơn Động và Nông Sơn.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động SXKD năm 2024: Chi tiết tại Mục II Báo cáo này.

2. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài sản: Chi tiết tại Mục II Báo cáo này.
- b) Tình hình nợ phải trả: Chi tiết tại Mục II Báo cáo này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả, đồng bộ công tác tái cơ cấu theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn đến năm 2025. Tiếp tục thực hiện lộ trình tiết giảm lao động, thực hiện mục tiêu “người ít lương cao”; tập trung nâng cao hơn nữa trình độ kỹ thuật và kỹ năng cho người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Một số chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2025 của Tổng công ty như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	
			Hợp nhất	Công ty mẹ
I	SẢN XUẤT KINH DOANH			
1	Sản lượng điện thương phẩm	tr. kWh	8.950	8.793
2	Doanh thu	tr. đồng	13.297.135	12.821.618
3	Lợi nhuận trước thuế	"	680.000	677.427
II	ĐẦU TƯ XDCB	"	1.406.916	1.404.024
1	Dự án nhóm A	"	904.534	904.534
	Kế hoạch thực hiện 2025	"	904.534	904.534
	Dự án NMD Na Dương II	"	904.534	904.534
2	Dự án nhóm B	"	297.564	297.564
3	Dự án nhóm C	"	204.817	201.925
3.1	Kế hoạch thực hiện 2025	"	170.761	170.131
3.2	Dự phòng	"	34.056	31.794
III	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	%		Dự kiến $\geq 3,5\%$ *

(* Tỷ lệ chi trả cổ tức kế hoạch năm 2025: Được quyết định trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 dự kiến tổ chức ngày 24/4/2025).

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Chi tiết tại Điểm 6 - Mục II Báo cáo này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Được nêu tại Mục II Báo cáo này.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Năm 2024, trong điều kiện tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều bất lợi như đã nêu, HĐQT đã có những nghị quyết với những quyết sách phù hợp, linh hoạt, kịp thời giúp Tổng công ty chủ động ứng phó với các yếu tố bất lợi và những bất cập trong sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, HĐQT đã chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty thực hiện nghiêm túc nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, và đảm bảo tuyệt đối công tác AT-VSLĐ, v.v.

Các nghị quyết của HĐQT giao cho Ban lãnh đạo điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã thường xuyên có các cuộc họp đánh giá chung hoặc theo chuyên đề cùng với Ban lãnh đạo điều hành để xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên của HĐQT đối với Ban lãnh đạo điều hành, đột xuất hay định kỳ 6 tháng và cuối năm HĐQT yêu cầu Ban lãnh đạo điều hành báo cáo kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết mà HĐQT đã ban hành trong tháng, quý, năm. Kết quả cho thấy Ban lãnh đạo điều hành đã nghiêm túc triển khai đầy đủ các quyết định, nghị quyết của HĐQT ban hành, đã chỉ đạo sát sao các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Tổng công ty giao cho.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành luôn chặt chẽ và được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị của Tổng công ty.

Kết thúc năm kế hoạch, Ban lãnh đạo điều hành đã trình HĐQT Báo cáo tài chính và HĐQT cũng đã thường xuyên chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành thực hiện nghiêm túc công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

(1) Công tác ứng phó với các thách thức:

Dự báo trong năm 2025, trên bình diện thế giới, xung đột vũ trang giữa Nga – Ucraina có dấu hiệu hạ nhiệt, tuy nhiên căng thẳng ở Biển Đỏ vẫn tiếp diễn, Trung Đông và các điểm nóng địa chính trị khác vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát. Chiến tranh thương mại có nguy cơ diễn ra trên toàn thế giới, chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế vĩ mô có nhiều biến động khó lường... Năm 2025, trong nước, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kích thích kinh tế nhằm hỗ trợ tăng trưởng như điều hành chính sách tiền tệ nới lỏng đảm bảo lãi suất ở mức hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu của các doanh nghiệp, song đối với Tổng công ty phải đối mặt với nguy cơ tỷ giá tăng, bên cạnh đó sản lượng than trong nước tiếp tục bị hạn chế, giá than tăng mà hướng giải quyết chưa thể có trong thời gian ngắn là những yếu tố sẽ tác động cả tiêu cực và tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của các thách thức trên đến hoạt động SXKD bình thường của Tổng công ty, HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp quyết liệt, đồng bộ để ứng phó có hiệu quả đối với các thách thức.

(2) Giải pháp kỹ thuật vận hành các nhà máy điện:

-Duy trì các nhà máy trong Tổng công ty vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, không có sự cố lớn đối với thiết bị phải dừng sửa chữa dài ngày; Số giờ bám lưới của mỗi tổ máy không thấp hơn 6500h với công suất định mức.

-Hoàn thành vượt mức kế hoạch điều hành về sản lượng điện sản xuất và kế hoạch sản xuất than.

-Thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu định mức KTKT không vượt so với kế hoạch Tập đoàn giao.

-Duy trì tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên theo kế hoạch đã lập, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật;

-Hoàn thành 100% các hạng mục sửa chữa lớn TSCĐ theo danh mục được Tổng công ty phê duyệt, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, không để hạng mục nào phải chuyển tiếp sang năm sau.

-Tập trung nguồn lực kỹ thuật các đơn vị trong toàn Tổng công ty để thực hiện công tác sửa chữa lớn các tổ máy của nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) tiếp tục chương trình khắc phục các khiếm khuyết của NMNĐ Cẩm Phả. Tổ chức đánh giá tình trạng các thiết bị, xây dựng phương án giải pháp cải tạo nâng cấp các thiết bị nhằm nâng cao sự vận hành an toàn, ổn định, tin cậy các tổ máy.

(3) Công tác quản trị chi phí:

-Thực hiện phương châm “Hiệu quả là trên hết”, “Tối đa hóa lợi nhuận” trong sản xuất điện. Bám sát thị trường, chào giá hợp lý, phát huy tối đa công suất khi thị trường có nhu cầu.

-Kiểm soát tốt công tác thuê ngoài, công tác quản lý vật tư: (1) Quản lý chặt công tác lập dự toán, lựa chọn nhà thầu để đảm bảo chất lượng công việc đi đôi với tiết giảm chi phí; (2) Rà soát lại toàn bộ công tác thuê ngoài tại đơn vị theo đúng kế hoạch mà Tổng công ty đã giao; (3) Các công việc các đơn vị đã thực hiện được thì không thuê ngoài mà sẽ tự thực hiện để nâng cao năng lực nội tại và tiết kiệm chi phí; (4) Nâng cao hơn nữa công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư tuân thủ các quy định.

-Kiểm soát chặt chẽ chất lượng than đầu vào các nhà máy: Phối hợp với các bên giao than đảm bảo cung ứng đủ than cho sản xuất. Kiên quyết không nhận than không đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng.

(4) Công tác đầu tư:

-Thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước, quy chế của Tập đoàn, Tổng công ty trong việc thực hiện các dự án đầu tư và hoàn thành Kế hoạch ĐT&XD năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua.

-Dự án NMNĐ Na Dương II: Triển khai thực hiện gói thầu EPC - Nhà máy chính theo tiến độ hợp đồng đã ký và các nội dung công việc khác của dự

án theo kế hoạch được giao, phần đầu đưa nhà máy vào vận hành thương mại năm 2026.

-Dự án đầu tư hệ thống khử lưu huỳnh ngoài lò (FGD) NMNĐ Na Dương: Phần đầu khởi công và hoàn thành dự án trong cuối năm 2025 đầu năm 2026.

-Việc đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu thí điểm đốt trộn than - sinh khối và nghiên cứu đánh giá tiềm năng đầu tư phát triển các dự án năng lượng mới: Tiếp tục làm việc với các đối tác (Erex, Giz, SGC Enrgy, PECC4) để khảo sát, lập phương án nghiên cứu thử nghiệm các dự án đồng đốt sinh khối.

-Các dự án đầu tư duy trì sản xuất kinh doanh: Triển khai theo kế hoạch được giao, bám sát tiến độ đề ra.

(5) Công tác tái cơ cấu: Tiếp tục triển khai đồng bộ có hiệu quả công tác tái cơ cấu theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty được Tập đoàn thông qua. Tiếp tục thực hiện lộ trình tiết giảm lao động, thực hiện mục tiêu “Người ít lương cao”; tập trung nâng cao hơn nữa trình độ kỹ thuật và kỹ năng cho người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

(6) Công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật có tay nghề, trình độ cao. Tiếp tục xây dựng các cơ chế để thu hút và khuyến khích giữ chân người lao động giỏi.

(7) Công tác AT-VSLĐ, PCCC, PCTT và bảo vệ môi trường: Thường xuyên quan tâm đến công tác AT-VSLĐ, PCCC, PCTT và môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tiếp tục nâng cao hơn nữa cảnh quan, môi trường các nhà máy với phương châm sáng, xanh, sạch, “Nhà máy trong công viên”.

(8) Đối với Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV:

Cần tập trung, quyết liệt hơn trong triển khai những giải pháp đồng bộ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho đơn vị sau khi trở thành chi nhánh của Tổng công ty. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, đầu tư cải tạo, nâng cấp thiết bị đã cũ, xuống cấp để đảm bảo NMNĐ Cẩm Phả vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả.

(9) Công tác khác: Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT để chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành soát xét, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế nội bộ để các quy chế này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành SXKD trong toàn Tổng công ty.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị (HĐQT):

a) **Thành viên và cơ cấu của HĐQT:** Chi tiết tại Điểm 2 - Mục II Báo cáo này.

b) **Các tiểu ban thuộc HĐQT:** Các tiểu ban thuộc HĐQT gồm: Thư ký HĐQT và Bộ phận kiểm toán nội bộ.

c) Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2024, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức các phiên họp xem xét các nội dung theo đề nghị của Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty hoặc những vấn đề lớn cần định hướng của HĐQT chỉ đạo cho Ban lãnh đạo điều hành; HĐQT đã họp và ban hành 73 nghị quyết với 177 nội dung, quyết sách quan trọng, chỉ đạo kịp thời, có kết quả nhằm triển khai tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024.

Năm 2024, HĐQT đã tiến hành các đợt kiểm tra định kỳ hoặc khi thấy cần thiết, giám sát thực tế tại các đơn vị trực thuộc và công ty con, nghe báo cáo từ các đơn vị để có chỉ đạo định hướng các mục tiêu kế hoạch, đánh giá những việc làm được, những mặt còn tồn tại hạn chế để các đơn vị sửa chữa khắc phục.

Định kỳ hay đột xuất hàng tuần HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp HĐQT để họp xem xét thảo luận các tờ trình của Tổng giám đốc, ban hành nghị quyết để Ban lãnh đạo điều hành tổ chức thực hiện, đồng thời quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được ĐHĐCĐ giao.

Nội dung các nghị quyết đưa ra nhằm định hướng các vấn đề về chiến lược phát triển, các nội dung định hướng lớn, đề ra một số biện pháp, giải pháp lớn nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các nghị quyết đã thông qua đều được HĐQT giao cho Ban lãnh đạo điều hành để triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các nghị quyết đã được ban hành; Đồng thời đảm bảo các quy chế hoạt động, quản trị của Tổng công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được Chủ tịch HĐQT đôn đốc và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

Nhằm theo sát tình hình hoạt động sản xuất của các công ty con, đơn vị trực thuộc, HĐQT tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để nghe Tổng giám đốc Tổng công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.

Kết thúc năm 2024, HĐQT đã chủ trì đánh giá kiểm điểm từng nhân sự thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban lãnh đạo điều hành, Người đại diện quản lý phần vốn và người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết, giám đốc các đơn vị trực thuộc và công ty con, để phân tích đánh giá đối với từng đồng chí về những mặt làm được cần phát huy, những mặt còn tồn tại cần chấn chỉnh và rút kinh nghiệm cho thời gian tiếp theo.

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT cùng BKS đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024. Hiện Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán xong và đã gửi cho các cơ quan chức năng, đồng thời được công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Ngày 28/4/2021, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty đã bầu Ông Nguyễn Đức Thảo giữ chức vụ Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2021 - 2026. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Chi tiết tại Điểm 2 - Mục II Báo cáo này.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 24/4/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Ban Kiểm soát đã triển khai các công việc năm 2024 như sau:

- Hợp kiểm điểm hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023, triển khai công tác kiểm soát năm 2024.
- Giám sát việc thực hiện các quyết định và chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV).

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT thông qua các cuộc họp cùng HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban của điều hành.

- Kế hoạch kiểm tra năm 2024 của Ban Kiểm soát đã báo cáo tại ĐHĐCĐ năm 2024 vào ngày 29/5/2023 và được thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ-2023 ngày 29/5/2023. Căn cứ vào đó, Ban Kiểm soát phối hợp với các phòng chức năng của Tổng công ty triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Thực hiện kế hoạch giám sát: Ban Kiểm soát triển khai chương trình làm việc tại các đơn vị với chuyên đề: Soát xét BCTC Quý III và 9 tháng đầu năm 2024; Kiểm tra kết quả tình hình thực hiện kiến nghị của các Đoàn Kiểm tra năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024; Giám sát công tác thuê ngoài 9 tháng đầu năm 2024 tại các đơn vị.

Kết quả kiểm tra các nội dung theo chuyên đề được Ban Kiểm soát thông báo cho các công ty con, đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

- Phối hợp cùng công ty kiểm toán BDO tiến hành Soát xét BCTC bán niên cũng như cả năm 2024.

Nội dung giám sát tập trung một số điểm chính như sau:

- Rà soát nội dung các quy chế, quy định quản trị nội bộ của đơn vị đã ban hành, kiến nghị chỉnh sửa các nội dung không còn phù hợp với các quy định hiện hành. Kiến nghị các quy chế nội bộ còn thiếu hoặc không phù hợp cần thiết phải sớm ban hành để tăng cường công tác quản lý.

- Soát xét các Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD. Qua đó đã đánh giá và dự báo về tình hình tài chính, các hệ số tài chính, có tính đến các yếu tố chủ quan và khách quan tác động. Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán theo Luật Kế toán và các thông tư hướng dẫn. Yêu cầu đơn vị hoàn thiện

các khâu quản lý, thu hồi các công nợ đã tạm ứng cho các đối tác, cá nhân và chấp hành chế độ kế toán theo quy định.

- Giám sát việc thực hiện các định mức tiêu hao theo kế hoạch giao, xác định nguyên nhân làm tăng giảm và kiến nghị các giải pháp khắc phục.
- Kiểm soát việc trích lập và phân phối tiền lương và các chế độ khác của người lao động.
- Giám sát việc mua sắm và quản lý vật tư, đối chiếu với thực tế việc thực hiện các quy trình mua sắm nhiên liệu, vật tư hàng hoá thiết bị đầu vào.
- Giám sát các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản, tính tuân thủ theo Luật Đầu tư; Luật Đấu thầu; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Tổng công ty đã ban hành.
- Giám sát việc thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và các chi phí thuê ngoài theo kế hoạch được giao.
- Giám sát việc khắc phục những tồn tại của đơn vị mà các đoàn kiểm tra trước đó đã nêu.
- Tham gia các cuộc họp giao ban và sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Ngoài ra, phối hợp cùng HĐQT giám sát tình hình SXKD và chấp hành các Nghị quyết của HĐQT tại các đơn vị trong toàn Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trên cơ sở các chỉ tiêu SXKD năm 2024 của Tổng công ty và các văn bản của TKV liên quan đến mức thù lao, tiền lương của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát trong năm 2024 như sau:

Stt	Chức danh quản lý	Số người BQ	Thành tiền (triệu đồng)		
			Tiền lương/ năm	Thù lao/ năm	BQ/ người/ tháng
1	Chủ tịch HĐQT	1		74,4	6,20
2	Thành viên HĐQT, TGD	1	798,4	64,8	71,93
3	Thành viên HĐQT (chuyên trách)	1	718,6		59,88
4	Thành viên HĐQT, Phó TGD	1	718,6	64,8	65,28
5	Thành viên HĐQT (độc lập)	1		324	27,00
6	Phó tổng giám đốc	4	2.188,8		45,60
7	Kế toán trưởng	1	665,4		55,45

Stt	Chức danh quản lý	Số người BQ	Thành tiền (triệu đồng)		
			Tiền lương/ năm	Thù lao/ năm	BQ/ người/ tháng
8	Trưởng ban Kiểm soát (Chuyên trách)	1	745,2		62,10
9	Thành viên Ban kiểm soát	2		120	5,00
	Tổng cộng		5.835	648	

b) **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có.

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không có.

d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty:**

Trong năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo Tài chính năm 2024 được công bố trên Website Tổng công ty tại địa chỉ www.dienluockv.vn và tại Website của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, ĐU, BKS (e-copy, b/c);
- Ban lãnh đạo điều hành (e-copy);
- Công đoàn, Đoàn TN (e-copy);
- Các phòng ĐLTKV (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, T.ký HĐQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Thị Thịnh